

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 644/SKHĐT-TH ngày 28 tháng 3 năm 2017 và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017. Bãi bỏ Quyết định số 109/2009/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và đấu thầu trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././ *AR*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Các Bộ, ngành TƯ;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Mặt trận Tổ quốc và các Hội, đoàn thể;
 - VP UBND tỉnh: CVP, các PVP, các bộ phận chuyên môn;
 - Báo Nghệ An, Đài PT&TH Nghệ An;
 - Trung tâm công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Nghệ An;
 - Lưu: VTUB, Phòng CN (Quyết) *AR*
- (150b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đường

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số **41**./2017/QĐ-UBND
ngày **05** tháng **4** năm **2017** của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung và phân công, phân cấp, uỷ quyền thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán và quyết toán dự án hoàn thành các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án sử dụng vốn: Quỹ bảo trì đường bộ; Quỹ phòng chống thiên tai; Quỹ môi trường; Kinh phí sự nghiệp kinh tế duy tu, bảo dưỡng đê điều thực hiện theo quy định riêng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chủ trương đầu tư dự án

1. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư

a) Đối với dự án nhóm A:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nội bộ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm A.

b) Đối với dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái Quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nội bộ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Ủy ban Nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Các Sở, ngành liên quan phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành mình.

Đối với các dự án do huyện, xã trực tiếp quản lý, giao Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì, thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cấp huyện, xã trước khi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Các Sở, ngành liên quan phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành mình.

Đối với các dự án do huyện, xã trực tiếp quản lý, giao Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì, thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cấp huyện, xã trước khi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

d) Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, xã; vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, xã để đầu tư:

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án. Trường hợp dự án có nội dung liên quan về quy hoạch, các công trình hiện có và kỹ thuật chuyên ngành thuộc các Sở, ngành cấp tỉnh quản lý, Hội đồng thẩm định lấy ý kiến bằng văn bản của Sở, ngành quản lý về nội dung liên quan.

Hội đồng thẩm định của huyện do một Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện làm Chủ tịch Hội đồng, phòng Tài chính- Kế hoạch là thường trực Hội đồng thẩm định và các phòng ban liên quan là thành viên.

Hội đồng thẩm định của xã do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã làm Chủ tịch Hội đồng, bộ phận chuyên môn có liên quan là thành viên.

đ) Đối với các dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Điều 12 Quy định này.

2. Thời gian thẩm định

a) Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C:

Đối với dự án nhóm A: không quá 36 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 28 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 08 ngày;

Đối với dự án nhóm B: không quá 24 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 19 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 05 ngày;

Đối với dự án nhóm C: không quá 16 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 12 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 04 ngày.

b) Thời gian thẩm định tại điểm a khoản này chỉ áp dụng đối với khâu thẩm định đề trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Thời gian thẩm định nội bộ ở các ngành, các huyện như sau:

Đối với dự án nhóm A: không quá 18 ngày;

Đối với dự án nhóm B: không quá 12 ngày;

Đối với dự án nhóm C: không quá 08 ngày.

c) Thời gian thẩm định tại các điểm nêu trên đã bao gồm thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và được tính kể từ ngày Thường trực Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công .

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A do địa phương quản lý; chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C.

2. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định dự án có cấu phần xây dựng

1. Cơ quan thẩm định:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các dự án quy định tại điểm b khoản này. Việc xác định công trình xây dựng chuyên ngành để các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo bảng phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc công trình theo tuyến qua nhiều địa bàn khác nhau thì cơ quan chủ trì thẩm định theo mục tiêu chính của dự án, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có) trong quá trình thẩm định.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban Nhân dân các huyện, phòng quản lý đô thị đối với Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh, các thị xã (sau đây gọi tắt là phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện) thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng. Trường hợp Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình, hạng mục công trình cấp II, công trình văn hóa, cầu, hồ chứa nước, đập ngăn nước thì Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Cơ quan rà soát, tổng hợp trình quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 6 quy định này xem xét, quyết định đầu tư;

b) Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, bộ phận chuyên môn quản lý đầu tư cấp xã là cơ quan chủ trì rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, căn cứ vào mức vốn ngân sách tỉnh được phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư của dự án, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phân cấp quyết định đầu tư như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh quyết định đầu tư dự án sử dụng ngân sách tỉnh dưới 15 tỷ đồng;

b) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Cửa Lò, Thái Hòa và Hoàng Mai quyết định đầu tư dự án sử dụng ngân sách tỉnh dưới 10 tỷ đồng;

c) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện quyết định đầu tư dự án đầu tư sử dụng ngân sách tỉnh dưới 07 tỷ đồng.

Điều 7. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Dự án không có cấu phần xây dựng

a) Đối với dự án cấp tỉnh quản lý: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

b) Đối với dự án cấp huyện, xã quản lý: Thực hiện theo Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

c) Thời gian thẩm định kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

Đối với dự án nhóm A: không quá 32 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 07 ngày.

Đối với dự án nhóm B: không quá 24 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 19 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 05 ngày.

Đối với dự án nhóm C: không quá 16 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 12 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 04 ngày.

2. Dự án có cấu phần xây dựng:

a) Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý:

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ dự án; kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; gửi cơ quan chủ trì thẩm định. Cơ quan chủ trì thẩm định và gửi báo cáo kết quả thẩm định đến chủ đầu tư, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì và dự án đầu tư đã được chủ đầu tư hoàn chỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát các nội dung quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 trên đây, tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền xem xét, quyết định đầu tư dự án.

b) Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý:

Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện đối với dự án do cấp huyện quản lý, bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ dự án, rà soát (qua Trung tâm giao dịch một cửa), gửi cơ quan chủ trì thẩm định;

Cơ quan chủ trì thẩm định gửi báo cáo thẩm định đến chủ đầu tư, đồng gửi Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện đối với dự án do cấp huyện quản lý, bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý;

Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện đối với dự án do cấp huyện quản lý, bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý căn cứ báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì và dự án đầu tư đã được chủ đầu tư hoàn chỉnh để trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, xã quyết định đầu tư dự án. Riêng đối với các dự án có sử dụng vốn ngân sách tỉnh được ủy quyền cho cấp huyện quyết định đầu tư tại Khoản 2 Điều 6 quy định này, trước khi Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư phải gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn.

c) Thời gian thẩm định kể từ ngày cơ quan tổng hợp, cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày, trong đó thời gian kiểm tra hồ sơ và gửi cơ quan thẩm định không quá 02 ngày; thời gian thẩm định không quá 24 ngày, thời gian tổng hợp, rà soát trình cấp có thẩm quyền quyết định không quá 04 ngày.

Đối với dự án nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: không quá 21 ngày, trong đó thời gian kiểm tra hồ sơ và gửi cơ quan thẩm định không quá 02 ngày; thời gian thẩm định không quá 16 ngày, thời gian tổng hợp, rà soát trình cấp có thẩm quyền quyết định không quá 03 ngày.

Điều 8. Điều chỉnh dự án

1. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án tại Điều 6 quy định này được quyết định điều chỉnh dự án trong các trường hợp quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư công và Điều 61 Luật Xây dựng.

2. Chủ đầu tư dự án phải thực hiện trình tự, nội dung lập, thẩm định nội bộ việc điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều 34 Nghị định số 136/NĐ-CP đồng thời phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến việc điều chỉnh dự án để trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định.

3. Việc thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án thực hiện theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quy định này. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nội dung đầu tư hoặc tăng quy mô làm tăng tổng mức đầu tư so với quyết định chủ trương đầu tư phải báo cáo cơ quan quyết định chủ trương đầu tư cho ý kiến điều chỉnh và phải thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi thẩm định, quyết định điều chỉnh. Nếu thay đổi nội dung đầu tư (không bao gồm thay đổi cơ cấu nguồn vốn) hoặc điều chỉnh tăng quy mô nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư và vẫn đảm bảo mục tiêu của dự án như trong quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Riêng đối với các dự án đã được bố trí vốn kết thúc trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, chỉ được xem xét điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư khi chủ đầu tư thẩm định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có thể huy động ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao cho dự án.

4. Thời gian thẩm định điều chỉnh dự án kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 2/3 thời gian quy định tại Khoản 2 Điều 3 đối với bước xin điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) và không quá 2/3 thời gian quy định tại điểm c Khoản 1, điểm c Khoản 2 Điều 7 đối với bước thẩm định điều chỉnh dự án, không quá 16 ngày đối với thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 9. Thẩm quyền, thời gian thẩm định thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm quyền thẩm định thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

b) Thời gian thẩm định kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

Đối với dự án nhóm A: không quá 32 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 07 ngày.

Đối với dự án nhóm B: không quá 24 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 19 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 05 ngày.

Đối với dự án nhóm C: không quá 16 ngày, trong đó cơ quan chủ trì thẩm định không quá 12 ngày, cơ quan phối hợp thẩm định không quá 04 ngày;

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Đối với trường hợp dự án phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp thiết kế hai bước, ba bước) thì Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24 và điểm b Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

b) Thời gian thẩm định kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

Đối với công trình cấp II và cấp III: Không quá 24 ngày

Đối với các công trình còn lại: Không quá 16 ngày

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án tại Điều 6 Quy định này phê duyệt thiết kế dự toán của dự án.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Điều 11. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp huyện quản lý.

b) Đối với các dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư do cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ dự án được ủy quyền tại khoản 2 Điều 6 Quy định này).

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án, công trình, hạng mục dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra;

b) Đối với các dự án, công trình, hạng mục dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch của Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra;

c) Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

3. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

a) Các dự án, hạng mục dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

b) Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 12. Quản lý đầu tư và xây dựng đối với một số dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020

1. Đối với các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 có quy mô nhỏ, có kỹ thuật không phức tạp, nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp đảm bảo các tiêu chí quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và thuộc danh mục loại dự án kèm theo Quy định này: Thực hiện việc quản lý đầu tư và xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP. Về thẩm định hồ sơ xây dựng công trình: Ủy ban Nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn của huyện thẩm định.

2. Các Sở chuyên ngành, căn cứ danh mục loại dự án kèm theo Quy định này, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có căn cứ triển khai thực hiện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Quy định xử lý chuyển tiếp

Việc xử lý các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được quy định như sau:

1. Đối với dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP, khi có điều kiện về nguồn vốn, tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối với dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chưa theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP, khi có điều kiện về nguồn vốn, thực hiện việc thẩm định, phê duyệt lại chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành, thị theo chức năng, nhiệm vụ quản lý chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

2. Các chủ đầu tư căn cứ vào quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư và xây dựng để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; xây dựng và công khai quy chế làm việc liên quan của cơ quan, đơn vị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư; thực hiện nghiêm túc nội dung Quy định này và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đường

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CƠ CHẾ
ĐẶC THÙ THEO NGHỊ ĐỊNH 161/2016/NĐ-CP NGÀY 02/12/2016 CỦA
CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**

(Kèm theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017)

TT	LOẠI DỰ ÁN (*)
1	Công trình Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh
2	Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng
3	Trạm y tế
4	Công trình trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
5	Cải tạo, xây mới các công trình kênh mương
6	Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân
7	Các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với quy định của các Chương trình mục tiêu quốc gia

(*) Danh mục các loại dự án này phải đảm bảo các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.